

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2021/QĐHG-DS

H, ngày 28 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

Căn cứ Điều 471, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 12 tháng 7 năm 2021, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc “Tranh chấp đòi tiền nợ hộ” giữa:

Người khởi kiện: Bà Chu Thị Ng, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện H, Thanh Hóa

Người bị kiện: Anh Đỗ Đức Ch, sinh năm 1979

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn 6, xã N, huyện H, T Thanh Hóa.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án theo hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án ngày 12 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến khác về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

Người khởi kiện: Bà Chu Thị Ng, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện H, Thanh Hóa

Người bị kiện: Anh Đỗ Đức Ch, sinh năm 1979

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn 6, xã N, huyện H, T Thanh Hóa.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

Anh Đỗ Đức Ch và chị Nguyễn Thị T nợ chị Chu Thị Ng số tiền là 45.870.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng), là tiền chị Ng chơi họ nhà anh Ch, chị T.

- Nay anh Đỗ Đức Ch, chị Nguyễn Thị T và chị Chu Thị Ng thỏa thuận thời gian và phương thức trả nợ như sau:

Về nợ gốc: Anh Ch và chị T sẽ trả cho chị Ng số tiền 45.870.000 đồng trong 30 lần, mỗi lần trả 1.500.000 đồng, kỳ cuối cùng số tiền phải trả là 2.370.000 đồng. Thời gian trả nợ bắt đầu tính từ tháng 8/2021 cho đến hết tháng 02/2024, trả vào ngày 01 dương lịch hàng tháng.

Về lãi suất: Chị Ng không yêu cầu anh T phải chịu lãi suất.

Nếu anh Đỗ Đức Ch và chị Nguyễn Thị T vi phạm thời gian và phương thức trả nợ như đã nêu trên thì anh Ch và chị T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ làm một lần vào thời điểm vi phạm. Đồng thời anh Ch và chị T phải chịu lãi suất theo lãi cơ bản kể từ ngày vi phạm trên số nợ gốc còn lại.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc hội, đương sự không phải chịu lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện Kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhân:

- Các bên ĐS;
- VKSND h. H;
- CQ THADS h. H;
- UBND xã N;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-OD:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp T của T đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng thì ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG”; Ghi “TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO” nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp T.
- (2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;
- (3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM.....
- (4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.
- (5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.
- (7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.
- (9) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.
- (10) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án.